

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2024
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Ngô Phước L, sinh năm 1959;

Địa chỉ HKTT: Xã T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tạm trú: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà Y có đơn đề nghị vắng mặt, ông L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày: bà Nguyễn Thị Y và ông Ngô Phước L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang theo sổ đăng ký kết hôn cấp ngày 04/12/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong công việc, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà Y khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu ly hôn với ông Ngô Phước L.

Về con chung: Có 06 con chung tên Ngô Phước S, sinh ngày 18/6/1993, Ngô Phước H, sinh ngày 10/9/1994, Ngô Phước H1, sinh ngày 06/4/1996, Ngô Phước Đ, sinh ngày 04/10/1998, Ngô Thị Phước T, sinh ngày 02/02/2000 và Ngô Phước Kim C, sinh ngày 07/02/2015. Khi ly hôn, các con S, H, H1, Đ và T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phước Kim C, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Phước L vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết và vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho ông Ngô Phước L theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông L biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Y nhưng ông L không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Ngô Phước L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết theo đơn khởi kiện của bà Y và xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Y bận đi làm xa nên có đơn đề nghị xử vắng mặt. Tòa án quyết định xử vắng mặt nguyên đơn quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Phước L, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nơi bị đơn cư trú thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y bận việc nên có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông Ngô Phước L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo qui định khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y, ông Ngô Phước L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 04/12/2008 nên hôn nhân giữa bà Y với ông L là hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Y đối với ông Ngô Phước L: bà Y cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, tình cảm rạn nứt, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà Y thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổng đạt mời ông Ngô Phước L, ông L biết Tòa án đang thụ lý giải quyết ly hôn với bà Y nhưng ông L không tham gia cung cấp ý kiến, không tham gia hòa giải cho thấy ông L

không có thiện chí hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y với ông Ngô Phước L đã mâu thuẫn trầm trọng nên bà Y yêu cầu xin ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà Y trình bày giữa bà Y với ông L có 06 con chung tên Ngô Phước S, sinh ngày 18/6/1993, Ngô Phước H, sinh ngày 10/9/1994, Ngô Phước H1, sinh ngày 06/4/1996, Ngô Phước Đ, sinh ngày 04/10/1998, Ngô Thị Phước T, sinh ngày 02/02/2000 và Ngô Phước Kim C, sinh ngày 07/02/2015. Khi ly hôn, các con S, H, H1, Đ và T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phước Kim C, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Ngô Phước Kim C, sinh ngày 07/02/2015 đang chung sống ổn định với bà Y. Do đó, Hội đồng xét xử thấy bà Y yêu cầu trực tiếp nuôi cháu C là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Y không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là không trái với qui định tại các Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[2.4]. Về tài sản chung: Bà Y xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Y xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Ngô Phước L vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tình cảm, con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa bà Y và ông L có phát sinh tranh chấp về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung thì các bên được quyền khởi kiện để giải quyết trong một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Y đối với ông Ngô Phước L.

Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Ngô Phước L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y được quyền nuôi dưỡng con chung tên Ngô Phước Kim C, sinh ngày 07/02/2015. Ông Ngô Phước L không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Y không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Bà Y xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Y xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai số 0006163 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí L1 - Trần Thị Đồi Nguyễn Khắc L2 Duy

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Khắc Linh D